

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **58/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 04-8-2020

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Loan Trần Hải Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Quang Hoạch

2. Ông Đinh Xuân Dậu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 420/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Dương Thị D**, sinh năm 1991

HKTT và trú tại: Tổ 2, ấp 8, xã S, huyện B, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Huy M** – sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ 7, ấp 2, xã S, huyện B, tỉnh Đồng Nai.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Thủ Đức (Z30-D)

(Bà D, ông M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/6/2020, tại bản tự khai nguyên đơn bà Dương Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Huy M kết hôn năm 2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Đồng Nai. Trong thời gian chung sống vợ chồng mâu thuẫn rất nhiều về việc nuôi dạy con cái, cách chăm sóc con và gia đình. Ông M ham mê cờ bạc, nghiện ma túy bỏ bê gia đình vợ con. Trong thời gian chung sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung để gia đình hòa hợp, mâu thuẫn ngày càng lớn. Nên bà xin được ly hôn với ông M.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Trần Ngọc Nhã Q, sinh ngày 11/02/2013 và cháu Trần Ngọc Quỳnh D, sinh ngày 17/03/2015. Khi ly hôn bà xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/7/2020 bị đơn ông Trần Huy M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Dương Thị D kết hôn năm 2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Đồng Nai. Quá trình vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì, nhưng do ông sử dụng ma túy và hiện đang chấp hành án về tội “Trộm cắp tài sản”. Ông vẫn còn thương vợ, con nhưng vợ ông cương quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Trần Ngọc Nhã Q, sinh ngày 11/02/2013 và cháu Trần Ngọc Quỳnh D, sinh ngày 17/03/2015. Ông đồng ý để bà D trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Tạm thời ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D về việc ly hôn với ông M ; Về con chung: Giao cháu Q và cháu D cho bà D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; Về tài sản chung đương sự khai không yêu cầu Tòa giải quyết; Về nợ chung đương sự khai không có. Về án phí: Buộc bà D phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Dương Thị D và ông Trần Huy M đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị D và ông Trần Huy M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 24/2012 ngày 08/3/2012 nên áp dụng Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà D, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo bà D trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng mâu thuẫn rất nhiều về việc nuôi dạy con cái, cách chăm sóc con và gia đình. Ông M ham mê cờ bạc, nghiện ma túy bỏ bê gia đình vợ con. Trong thời gian chung sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung để gia đình hòa hợp, mâu thuẫn ngày càng lớn. Nên bà xin được ly hôn với ông M. Theo ông M thì quá trình vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì, nhưng do ông sử dụng ma túy và hiện đang chấp hành án về tội “Trộm cắp tài sản”. Ông vẫn còn thương vợ, con nhưng vợ ông cương quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý. Xét thấy giữa bà Dương Thị D và ông Trần Huy M đã không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng cũng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị D, bà Dương Thị D được ly hôn với ông Trần Huy M.

[3] Về con chung: Bà D và ông M có 02 con chung là Trần Ngọc Nhã Q, sinh ngày 11/02/2013 và cháu Trần Ngọc Quỳnh D, sinh ngày 17/03/2015. Khi ly hôn, bà D xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông M cấp dưỡng. Ông M cũng đồng ý để bà D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q và cháu D, tạm thời ông không cấp dưỡng nuôi con. Do đó, giao cháu Q và cháu D cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông M không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà D phải chịu 300.000 đồng.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 238, Điều 266, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị D.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị D được ly hôn với ông Trần Huy M.

Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc Nhã Q, sinh ngày 11/02/2013 và cháu Trần Ngọc Quỳnh D, sinh ngày 17/03/2015 cho bà Dương Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông M không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của ông Trần Huy M.

Vì quyền lợi của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Bà Dương Thị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007329 ngày 05/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà Dương Thị D đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân huyện Trảng Bom;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bom;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Loan Trần Hải Yến